

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SINH VIÊN

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	TƯ DUY THIẾT KẾ - ĐỔI MỚI SÁNG TẠO		
Mã học phần:	71SSK110033	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71SSK110033_01, 02, 03, 04, 05		
Hình thức thi: Tiểu luận (có thuyết trình) Môn thi không cho phép sinh viên thi lại lần 2	Thời gian làm bài:	05	Ngày
<input type="checkbox"/> Cá nhân	<input checked="" type="checkbox"/> Nhóm		
<i>Quy cách đặt tên file</i>	<i>Tên nhóm – Mã lớp học phần – Tên sản phẩm.</i>		

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Hiểu và vận dụng các khái niệm, quy trình về tư duy thiết kế, đổi mới sáng tạo và các công cụ trong tìm ý tưởng, xây dựng mô hình kinh doanh.	Tiểu luận (Nhóm – Có thuyết trình)	20%	1	2,0	PI1.1
CLO2	Nhận diện được các nguyên tắc tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.	Tiểu luận (Nhóm – Có thuyết trình)	20%	1	2,0	PI1.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
CLO3	Vận dụng các bước trong quy trình tư duy thiết kế (Design Thinking) kết hợp với các kỹ thuật tư duy sáng tạo để giải quyết vấn đề.	Tiểu luận (Nhóm – Có thuyết trình)	20%	1	2,0	PI10.1
CLO4	Vận dụng kỹ năng tư duy thiết kế, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng trình bày trong xây dựng dự án hướng tới giải quyết vấn đề.	Tiểu luận (Nhóm – Có thuyết trình)	20%	1	2,0	PI10.2
CLO5	Thể hiện tinh thần đổi mới sáng tạo và sẵn sàng học hỏi và không ngừng phát triển bản thân.	Tiểu luận (Nhóm – Có thuyết trình)	20%	1	2,0	PI12.3

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài: Ứng dụng kiến thức của học phần Tư duy thiết kế và đổi mới sáng tạo, mỗi nhóm sinh viên thực hiện một dự án sáng tạo giải pháp cho 1 vấn đề trong thực tế cuộc sống mà nhóm quan tâm.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

2.1. Nội dung bài tiểu luận gồm có các phần

Phần I. Giai đoạn 1: Thấu cảm

SV trình bày các nội dung gồm:

- Những nhiệm vụ cần thực hiện để thấu cảm đối tượng mục tiêu.

- Cách thức nhóm đã triển khai (phân chia công việc, thời gian thực hiện, quá trình triển khai thực hiện công việc).
- Kết quả thực hiện: trình bày bảng Chân dung người dùng (User persona) hoặc Sơ đồ thấu cảm (Empathy Map).
- Bài học rút ra từ giai đoạn Thấu cảm (bài học, khó khăn, thuận lợi, cách giải quyết vấn đề).

Phần II. Giai đoạn 2: Xác định vấn đề

SV trình bày các nội dung gồm:

- Những nhiệm vụ cần thực hiện
- Cách thức nhóm đã triển khai (phân chia công việc, thời gian thực hiện, quá trình triển khai thực hiện công việc).
- Kết quả thực hiện: Trình bày các kết quả gồm Problem Statement, xác định Problem Tree, Đánh giá và xác định những nhu cầu quan trọng nhất của người dùng, phát biểu “How might we...”
- Bài học rút ra từ giai đoạn Xác định vấn đề (bài học, khó khăn, thuận lợi, cách giải quyết vấn đề).

Phần III. Giai đoạn 3: Sáng tạo giải pháp

SV trình bày các nội dung gồm:

- Những nhiệm vụ cần thực hiện
- Cách thức nhóm đã triển khai (phân chia công việc, thời gian thực hiện, quá trình triển khai thực hiện công việc – tập trung vào các bước thu thập ý tưởng, các công cụ nhóm đã dùng để đánh giá và lựa chọn giải pháp, như ma trận Boston)
- Kết quả thực hiện: Trình bày tổng hợp các ý tưởng sáng tạo mà nhóm đã tạo ra, trình bày cụ thể ý tưởng cuối cùng được chọn, nêu rõ những lý do mà nhóm đã lựa chọn giải pháp đó.
- Bài học rút ra từ giai đoạn Sáng tạo giải pháp (bài học, khó khăn, thuận lợi, cách giải quyết vấn đề)

Phần IV. Giai đoạn 4: Dựng mẫu

SV trình bày các nội dung gồm:

- Những nhiệm vụ cần thực hiện
- Cách thức nhóm đã triển khai (phân chia công việc, thời gian thực hiện, quá trình triển khai thực hiện công việc)
- Kết quả thực hiện: Trình bày bản thiết kế mô phỏng cho sản phẩm của nhóm, giải thích vì sao nhóm chọn loại thiết kế mô phỏng đó.

- Bài học rút ra từ giai đoạn dựng mẫu (bài học, khó khăn, thuận lợi, cách giải quyết vấn đề)

Phần V. Giai đoạn 5: Kiểm tra, đánh giá giải pháp

SV trình bày các nội dung gồm:

- Những nhiệm vụ cần thực hiện
- Cách thức nhóm đã triển khai (phân chia công việc, thời gian thực hiện, quá trình triển khai thực hiện công việc – tập trung vào giới thiệu đối tượng thử nghiệm, phương pháp tiếp nhận phản hồi,...)
- Kết quả thực hiện: Trình bày kết quả phản hồi của người dùng gồm điều được đánh giá cao, điều gì cần cải thiện, điều gì chưa hiệu quả và các hành động tiếp theo nhóm sẽ làm để cải tiến sản phẩm.
- Bài học rút ra từ giai đoạn kiểm tra, đánh giá giải pháp (bài học, khó khăn, thuận lợi, cách giải quyết vấn đề)
- Tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện quy trình Tư duy thiết kế và sáng tạo giải pháp cho vấn đề của nhóm.

2.2. Hình thức trình bày bài tiểu luận nhóm

- Trang bìa, tiêu đề của tiểu luận viết hoa, in đậm, size 15.
- Bài tiểu luận được đánh máy bằng vi tính, tối đa 15 trang khổ A4 và theo định dạng sau: font Unicode (Times New Roman), cỡ chữ 13, paper size: width 21 cm, height 29,7cm (A4); margin: top 2cm, bottom 2cm, left 3cm, right 2cm.
- Bài viết cần có trích dẫn tài liệu và lập danh mục tài liệu tham khảo.
- Hình ảnh minh họa – phụ lục nếu có.

2.3. Hướng dẫn sinh viên/nhóm sinh viên nộp bài thi.

- Đại diện mỗi nhóm nộp bài trên trang thi CTE của nhà trường (theo đường link do phòng Khảo thí cung cấp tại trang <https://online.vlu.edu.vn>).
- Các sản phẩm nhóm cần nộp gồm có đầy đủ các tài liệu bên dưới (và thêm tài liệu khác, nếu có theo yêu cầu của giảng viên) và cách đặt tên file như sau:

STT	Sản phẩm cần nộp	Định dạng	Cách đặt tên <i>Tên nhóm – Mã lớp học phần – Tên sản phẩm.</i>
1	Tiểu luận/ Báo cáo	PDF	Ví dụ: <i>Văn Lang_71SSK110033_Báo cáo</i>
2	Slide thuyết trình	PDF	Ví dụ: <i>Văn Lang_71SSK110033_Slide thuyết trình</i>

- Trong phần bình luận, thành viên đã đại diện nhóm nộp bài ghi rõ tên nhóm và danh sách thành viên nhóm (họ tên, mã số sinh viên).

3. Rubric và thang điểm

Mỗi nhóm sinh viên sẽ được chấm điểm với các tiêu chí cụ thể và được mô tả như sau

Điểm thi cuối kỳ bao gồm các điểm thành phần sau:

STT	Thành phần	% Điểm
1	Kỹ năng trình bày báo cáo	20 %
2	Trích dẫn tài liệu tham khảo	10 %
3	Cấu trúc bài báo cáo	20 %
4	Nội dung bài báo cáo	25 %
5	Thuyết trình báo cáo	25 %
TỔNG % ĐIỂM		100 %

Điểm đánh giá của nhóm sẽ được quy đổi thành điểm cá nhân thông qua đóng góp của cá nhân trong tiến trình thực hiện dự án cuối kỳ.

Rubric chấm điểm cụ thể:

Tiêu chí	Trọng số (%)	Xuất sắc 8.5-10	Giỏi 7.0-8.4	Khá 5.5-6.9	Trung bình 4.0-5.4	Yếu 0-3.9
Kỹ năng trình bày báo cáo	20	Phong cách phù hợp, không có lỗi chính tả hoặc ngữ pháp	Phong cách phù hợp, có ít lỗi chính tả hoặc ngữ pháp	Phong cách phù hợp, có nhiều lỗi chính tả hoặc ngữ pháp	Phong cách chưa phù hợp, có rất nhiều lỗi chính tả hoặc ngữ pháp	Lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp khác nhau. Phong cách sai
Trích dẫn tài liệu tham khảo	10	Chính xác và đầy đủ	Vài lỗi nhỏ về định dạng, Đủ	Một vài lỗi về định dạng hoặc thiếu nguồn	Áp dụng không nhất quán. Chỉ một số tài liệu tham khảo được cung cấp	Không có tài liệu tham khảo

Tiêu chí	Trọng số (%)	Xuất sắc 8.5-10	Giỏi 7.0-8.4	Khá 5.5-6.9	Trung bình 4.0-5.4	Yếu 0-3.9
Cấu trúc bài báo cáo	20	Cách tiếp cận có hệ thống và logic cho chủ đề, thảo luận một cách có thông tin. Mỗi phần được liên kết rõ ràng với phần tiếp theo. Cấu trúc và dòng chảy của vật liệu rõ ràng	Cách tiếp cận có hệ thống và logic cho chủ đề. Mỗi phần được liên kết rõ ràng với phần tiếp theo. Cấu trúc và dòng chảy của vật liệu rõ ràng	Nói chung, cách tiếp cận có hệ thống và logic cho chủ đề	Có thảo luận về chủ đề và ít phân tích nhưng cách tiếp cận không nhất quán.	Phi logic và khó hiểu
Nội dung bài báo cáo	25	Liên quan đến khóa học và liên quan đến chủ đề, đồng thời cung cấp xuất sắc nội dung được yêu cầu trong bài báo cáo.	Liên quan đến khóa học và có liên quan đến chủ đề. Cung cấp đầy đủ nội dung cần thiết trong bài báo cáo.	Liên quan đến khóa học và có liên quan đến chủ đề. Nhìn chung, cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của bài báo cáo.	Nội dung có liên quan đến chủ đề và yêu cầu của bài báo cáo, nhưng đôi khi không nhất quán/không liên quan	Không đạt yêu cầu Không liên quan đến chủ đề và bài báo cáo.
Thuyết trình báo cáo	25	Chuẩn bị kỹ lưỡng cho bài thuyết trình, Trình bày lưu loát, không phụ thuộc vào slide/ giấy nhắc, Dẫn dắt vấn đề và lập luận lời cuốn, thuyết phục,	Chuẩn bị kỹ lưỡng cho bài thuyết trình, Trình bày lưu loát, còn phụ thuộc vào slide/ giấy nhắc, Dẫn dắt vấn đề và lập	Chuẩn bị cho bài thuyết trình, Trình bày khá lưu loát, còn phụ thuộc vào slide/ giấy nhắc, Dẫn dắt vấn đề	Chuẩn bị cho bài thuyết trình, Trình bày tạm, còn phụ thuộc nhiều vào slide/ giấy nhắc, Dẫn dắt vấn đề và lập luận không ổn, Có tương	Chưa huấn bị tốt cho bài thuyết trình, Trình bày tạm, phụ thuộc nhiều vào slide/ giấy nhắc, Dẫn dắt vấn đề và lập luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Xuất sắc 8.5-10	Giỏi 7.0-8.4	Khá 5.5-6.9	Trung bình 4.0-5.4	Yếu 0-3.9
		nội dung logic, rõ ràng, dễ hiểu, Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt. Thu hút và duy trì được sự chú ý của khán giả từ đầu đến cuối. Trả lời các câu hỏi của khán giả đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng, Làm chủ thời gian rất tốt.	luận lời cuốn, thuyết phục, nội dung khá logic, Có tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt. Thu hút và duy trì được sự chú ý của khán giả từ đầu đến cuối. Trả lời các câu hỏi của khán giả đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng, Làm chủ thời gian tốt.	và lập luận ổn, Có tương tác bằng mắt và cử chỉ, duy trì được sự chú ý của khán giả từ đầu đến cuối. Trả lời các câu hỏi của khán giả đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng, Làm chủ thời gian tốt.	tác bằng mắt và cử chỉ, duy trì được sự chú ý của khán giả từ đầu đến cuối. Trả lời các câu hỏi của khán giả đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng, Làm chủ thời gian chưa tốt.	không ổn, chưa tương tác mắt, tay với khán giả, không làm chủ thời gian.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Trúc Phương

Giảng viên ra đề



ThS. Đinh Văn Mãi